

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định, với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Phát triển khu vực dịch vụ nhanh đi đôi với hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hướng tới hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại.
- Phát triển các ngành dịch vụ, phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế của tỉnh và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân.
- Phát triển khu vực dịch vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.
- Phát triển, hội nhập trong lĩnh vực dịch vụ đi đôi với bảo đảm nền kinh tế độc lập, tự chủ và an toàn xã hội, an ninh quốc phòng.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

1. Dịch vụ du lịch

- Phát triển du lịch bền vững gắn với tăng trưởng xanh; khai thác kinh doanh du lịch có trọng tâm, trọng điểm, chất lượng và chuyên nghiệp. Đến năm 2030, du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành và lĩnh vực khác; đóng góp của hoạt động du lịch vào GRDP tỉnh Bình Định đạt hơn 20% (bao gồm đóng góp trực tiếp và đóng góp lan tỏa).
- Phát triển hệ thống hạ tầng hiện đại, đồng bộ phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn toàn tỉnh.

- Phân đầu thu hút đầu tư phòng lưu trú đạt 30.000 phòng (trong đó số phòng lưu trú tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên đạt 70% tổng số phòng lưu trú); thu hút đầu tư 03 - 04 khu vui chơi, giải trí và trung tâm thương mại - mua sắm cao cấp.

- Xây dựng Khu du lịch Phương Mai trở thành khu du lịch quốc gia.

- Thực hiện chiến lược quảng bá, xúc tiến du lịch trọng tâm, trọng điểm theo thị trường khách du lịch. Đẩy mạnh phát triển thị trường khách du lịch nội địa và phát triển có chọn lọc thị trường khách du lịch quốc tế, trong đó chú trọng phát triển các thị trường khách du lịch có mức chi tiêu cao. Tập trung thu hút khách du lịch từ các thị trường: Đông Bắc Á, Nga, Đông Âu và Đông Nam Á, Tây Âu, Bắc Mỹ và Châu Đại Dương.

- Phát triển nguồn nhân lực du lịch theo cơ cấu hợp lý, bảo đảm số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập.

- Phát triển du lịch thông minh và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch.

2. Dịch vụ logistics và vận tải

- Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước theo hướng tích cực tháo gỡ các khó khăn, rào cản, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh làm động lực khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường vận tải.

- Phát triển thị trường vận tải gắn liền với nâng cao năng lực hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp theo cơ chế thị trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế, tăng cường khả năng cạnh tranh.

- Sử dụng, đầu tư hiệu quả phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và tổ chức tuyên truyền khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ logistics. Thiết lập mạng lưới trung tâm phân phối nhiều cấp (cảng cạn, kho, bãi hàng hóa) và các tuyến vận tải thu, gom hàng hóa trong các đô thị lớn và các vùng kinh tế trọng điểm.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ dịch vụ vận tải, logistics đáp ứng được nhu cầu trong nước và quốc tế.

3. Dịch vụ tài chính - ngân hàng

- Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính - ngân hàng theo hướng đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

- Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển dần từ mô hình kinh doanh truyền thông sang mô hình kinh doanh số, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Chú trọng phát triển thanh toán điện tử phục vụ

thương mại điện tử theo hướng hoàn thiện, tăng cường kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của hệ thống ngân hàng với hạ tầng thanh toán của các đơn vị khác.

- Phát triển các kênh cung cấp vốn cho thị trường; mở rộng hệ thống các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư là các tổ chức lớn; phát triển đầy đủ các định chế trung gian; đa dạng hoá các dịch vụ cung cấp. Chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh doanh của các ngân hàng thương mại theo hướng từ “độc canh tín dụng” sang mô hình đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng phi tín dụng.

4. Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông

- Phát triển dịch vụ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Kết hợp giữa phát triển ngành dịch vụ thông tin và truyền thông lan tỏa tới các ngành dịch vụ khác để tạo ra nhiều không gian mới thúc đẩy sự phát triển chung của các dịch vụ khác như thương mại, du lịch, giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng...

- Đẩy mạnh cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các thủ tục hành chính công.

5. Dịch vụ phân phối

- Đối với dịch vụ phân phối truyền thống:

+ Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các hiệp hội và cơ quan quản lý để phát triển mạnh thị trường trong và ngoài tỉnh.

+ Đổi mới nội dung và phương thức quản lý phù hợp với từng loại hình thương mại truyền thống, đặc biệt là chợ.

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh doanh.

- Đối với dịch vụ thương mại điện tử:

+ Xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách cho việc phát triển và ứng dụng kinh tế số.

+ Phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ số và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai ứng dụng trong từng công đoạn của chu trình kinh doanh.

6. Dịch vụ y tế

- Phát triển các dịch vụ y tế - dân số đảm bảo công bằng, chất lượng, hiệu quả và bền vững; không ngừng nâng cao sức khỏe, thể lực, tăng tuổi thọ và nâng cao chất lượng dân số, góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quốc gia.

- Phát triển các dịch vụ y tế - dân số phải phù hợp với điều kiện thực tế, các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tiến trình hội nhập quốc tế của quốc gia; huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân. Phát triển hài hòa giữa y tế phổ cập và y tế chuyên sâu; giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò chủ đạo.

- Tăng cường phát triển các dịch vụ y tế - dân số có tiềm năng, lợi thế tại địa phương; đi đôi với ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 để phát triển một số dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao.

- Chủ động và thích ứng linh hoạt trước ảnh hưởng tiêu cực từ các cuộc khủng hoảng lớn về kinh tế, thiên tai, dịch bệnh,... quy mô quốc gia, toàn cầu.

7. Dịch vụ khoa học và công nghệ

- Áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trở thành một yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Phát triển hoạt động dịch vụ đánh giá sự phù hợp, dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường để tạo sự chuyển biến về số lượng và chất lượng của các dịch vụ này.

- Phát triển hạ tầng thông tin và thống kê khoa học công nghệ của tỉnh theo hướng hiện đại hóa, đa dạng hóa.

- Khuyến khích phát triển các dịch vụ liên quan đến sở hữu trí tuệ, bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ...

- Phát triển các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có tiềm năng cạnh tranh như rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap, lúa giống, gà giống, bò thịt chất lượng cao, heo và các sản phẩm từ heo, tôm thẻ chân trắng, cá ngừ đại dương, các sản phẩm OCOP Trong đó, tập trung phát triển các sản phẩm theo chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ.

- Đẩy mạnh phát triển vùng nuôi trồng thủy sản ứng dụng Công nghệ cao tại xã Cát Thành, xã Cát Hải - huyện Phù Cát, Khu Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao tại xã Mỹ Thành - huyện Phù Mỹ thông qua kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

8. Dịch vụ giáo dục và đào tạo

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề; nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu; các hệ thống hỗ trợ hoạt động dạy và học trong giáo dục nghề nghiệp; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong hoạt động đánh giá kỹ năng nghề.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; phát triển quy mô và mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với điều kiện bảo đảm chất lượng, đồng

thời tăng cường chất lượng giáo dục phù hợp với mục tiêu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới và Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Hoàn thiện thể chế, đổi mới quản lý hệ thống và quản trị nhà trường; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, từng bước hiện đại, xây dựng nền giáo dục mở theo hướng xã hội học tập.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Dịch vụ du lịch

- Rà soát các cơ chế, chính sách do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về du lịch và liên quan đến du lịch tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho phát triển du lịch.

- Phát triển sản phẩm du lịch:

+ Phát triển hoàn chỉnh hệ thống sản phẩm chính của tỉnh: sản phẩm du lịch biển đảo; du lịch văn hóa, lịch sử, cách mạng và du lịch hội nghị, hội thảo, triển lãm và sự kiện kết hợp du lịch khoa học.

+ Tiếp tục phát triển các sản phẩm du lịch mới, có tiềm năng theo từng giai đoạn như: du lịch thể thao, du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng và làng nghề; du lịch chữa bệnh kết hợp chăm sóc sức khỏe; hình thành các khu vực biểu diễn nghệ thuật, ẩm thực, vui chơi giải trí về đêm, tổ chức các hoạt động, dịch vụ phục vụ khách du lịch.

- Phát triển hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch:

+ Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông tại các cụm du lịch, liên kết các cụm du lịch và tại các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch. Xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng đường giao thông trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện kết nối du lịch các huyện, thị xã, thành phố.

+ Phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch đảm bảo chất lượng, hiện đại, tiện nghi đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Thành phố Quy Nhơn, thị xã Bồng Sơn (huyện Hoài Nhơn) và thị trấn Phú Phong (huyện Tây Sơn) trở thành các Trung tâm du lịch của tỉnh.

+ Tập trung nguồn lực đầu tư Khu du lịch Phương Mai - Núi Bà thực sự trở thành khu du lịch quốc gia với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu, có sức cạnh tranh gắn liền với các giá trị sinh thái biển đảo và mang đậm dấu ấn văn hóa Bình Định góp phần đưa khu du lịch trở điểm đến hấp dẫn.

- Nguồn nhân lực du lịch được đảm bảo về chất lượng và số lượng. Nâng cao chất lượng nhân lực du lịch cả về quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp, kỹ năng nghề du lịch và kiến thức, kỹ năng của cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch.

- Phát triển thị trường, xúc tiến quảng bá và thương hiệu du lịch:

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xúc tiến, quảng bá du lịch, bảo đảm thực hiện thống nhất, chuyên nghiệp và hiệu quả; phát huy hiệu quả của kênh truyền thông mạng xã hội. Tiếp tục công tác xúc tiến quảng bá về Du lịch Bình Định trên phương tiện thông tin đại chúng.

+ Đẩy mạnh chiến lược truyền thông phát triển thương hiệu du lịch tỉnh Bình Định “Du lịch Bình Định - An toàn, văn minh, thân thiện và hấp dẫn”. Tiếp tục quảng bá hình ảnh du lịch Quy Nhơn - Bình Định tại các hội chợ - triển lãm du lịch tại các thị trường du lịch trọng điểm và mục tiêu ở cả trong và ngoài nước. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại cho khách du lịch nhằm đảm bảo môi trường du lịch luôn an toàn, thân thiện và chuyên nghiệp.

- Phát triển du lịch thông minh và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu số ngành Du lịch; công nghệ thông tin du lịch và ứng dụng thông tin du lịch thông minh trên thiết bị di động tỉnh Bình Định hoạt động mang lại hiệu quả cao; xây dựng hoàn chỉnh phần mềm hướng dẫn viên du lịch ảo, thuyết minh du lịch tự động dịch ra các ngôn ngữ phổ biến cho khách du lịch quốc tế.

- Bảo vệ môi trường nhằm phát triển du lịch bền vững:

+ Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, các dự án ven biển, ven đầm giữ gìn môi trường du lịch lành mạnh, đặc biệt giữ gìn môi trường sinh thái biển, hồ, đầm; chú trọng tôn tạo, bảo vệ, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên.

+ Tiếp tục tăng cường công tác bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo về an ninh, an toàn hoạt động du lịch; các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh ưu tiên sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản phẩm tái chế, tái sử dụng, ứng dụng công nghệ sạch để hạn chế ô nhiễm môi trường và giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

2. Dịch vụ logistics và vận tải

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về dịch vụ logistics. Theo đó, xây dựng chính sách hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án trong lĩnh vực logistics; rà soát, nghiên cứu vận dụng các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và chính sách quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh; Ưu tiên quỹ đất cho phát triển dịch vụ logistics, nhất là quỹ đất tại các khu vực có khả năng phát triển tập trung các hoạt động cung ứng và tiêu dùng dịch vụ của ngành dịch vụ này.

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông logistics trên cơ sở quy hoạch phát triển giao thông vận tải đã được phê duyệt, trong đó tập trung ưu tiên đầu tư các tuyến đường từ Cảng Quy Nhơn nối với Quốc lộ 1 như Quốc lộ 19, Quốc lộ 19 mới, Quốc lộ 19B, Quốc lộ 19C, tuyến đường ven biển, tuyến đường Tây tỉnh để thu hút đầu tư.

- Đẩy mạnh phát triển loại hình vận tải đa phương thức, tăng khối lượng hàng hóa vận chuyển theo hình thức vận tải đa phương thức. Thu hút nguồn hàng, nâng cao lưu lượng hàng hóa từ các tỉnh khu vực miền Trung - Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan vận chuyển qua cửa khẩu thuộc các tỉnh Tây Nguyên về Cảng Quy Nhơn và ngược lại.

- Đào tạo nguồn nhân lực ngành logistics, vận tải hàng hải một mặt đáp ứng nhanh nhu cầu nhân lực qua đào tạo cho ngành, mặt khác đẩy nhanh chương trình đào tạo các chuyên gia logistics có kỹ năng ứng dụng và triển khai các thực hành quản trị logistics và chuỗi cung ứng theo kịp các nước công nghiệp phát triển.

- Tái cấu trúc logistics, trong đó thúc đẩy sự phát triển các loại hình logistics (3PLs, 4PLs, 5PLs) trong nước, xem đây là tiền đề phát triển thị trường logistics của Bình Định.

- Gắn kết công nghệ thông tin trong logistics, đặc biệt khâu thủ tục hải quan (tăng cường tổ chức, thúc đẩy tiêu chuẩn hóa trong khai thác như chứng từ, tiêu chuẩn công nghệ..., phát triển các cổng thông tin logistics, EDI, e-logistics...)

- Phát triển đa dạng các trung tâm phân phối tại các thành phố, đô thị lớn trên cả nước nhằm phục vụ thị trường bán lẻ, các trung tâm logistics gần các khu công nghiệp sản xuất, chế biến xuất khẩu.

- Quy hoạch hệ thống cảng biển, cảng cạn, hàng không, đường bộ đồng bộ. Trong đó, chú trọng việc nâng cấp và mở rộng Cảng biển Quy Nhơn, thành lập các Trung tâm Logistics tại Quốc lộ 19 và xã Canh Vinh theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống Trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Áp dụng rộng rãi quản trị chuỗi cung ứng, quản trị logistics trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần, khuyến khích thuê ngoài logistics, điều chỉnh bổ sung luật, chính sách tạo điều kiện phát triển hoạt động dịch vụ logistics cũng như doanh nghiệp logistics trong nước; triển khai các hệ thống EDI và hệ thống giao dịch không giấy tờ tại các điểm hải quan, cửa khẩu, cải cách hành chính và minh bạch các dịch vụ công...

3. Dịch vụ tài chính - ngân hàng

- Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách về tiền tệ, tín dụng, ngoại hối và vàng trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc; nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống điện tử liên ngân hàng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Chỉ đạo các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai dịch vụ ngân hàng số trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin, ngân hàng lõi hiện đại đáp ứng yêu cầu quản trị điều hành và cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 theo hướng dẫn của Hội sở chính tổ chức tín dụng;

- Chỉ đạo các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai, ứng dụng công nghệ chủ chốt của Cách mạng công nghiệp 4.0 như: dữ liệu lớn (Big data), trí tuệ nhân tạo (A.I), tự động hóa quy trình bằng rô-bốt (Robotic Process Automation), công nghệ chuỗi khối (Blockchain Technology)... trong cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng theo hướng dẫn của Hội sở chính tổ chức tín dụng;

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ gắn với chuyển đổi số cho cán bộ, nhân viên ngành ngân hàng đảm bảo sẵn sàng tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

4. Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông

- Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, tránh gây tổn kém nguồn lực phát triển của xã hội; phát triển hạ tầng số trên nền tảng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin.

- Xây dựng và phát triển các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ nghiên cứu phát triển các ứng dụng công nghệ, khuyến khích các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ tăng cường sử dụng công nghệ, phần mềm, sản phẩm công nghệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, thực hiện tư vấn công nghệ, chuyển giao công nghệ, mang công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới đột phá áp dụng vào mọi mặt của lĩnh vực kinh tế - xã hội.

5. Dịch vụ phân phối

- Tuyên truyền, phổ biến các cam kết quốc tế và quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động phân phối.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, phát triển hạ tầng thương mại theo hướng tạo đồng bộ, thuận lợi cho phát triển các loại hình kết cấu thương mại, đặc biệt tại khu vực nông thôn.

- Tăng cường các biện pháp hỗ trợ đào tạo, tuyên truyền và phổ biến kiến thức về hoạt động mua bán hàng hóa qua sàn giao dịch thương mại điện tử; kiểm tra và giám sát tình hình hoạt động mua bán hàng hóa, tình hình thực thi pháp luật của các đơn vị được cấp phép để bảo đảm thị trường mua bán hàng hóa qua sàn giao dịch thương mại điện tử hoạt động lành mạnh, bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư.

- Khuyến khích doanh nghiệp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh doanh.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp bán lẻ với các nhà sản xuất trong việc tạo nguồn hàng sản xuất trong nước với giá cả cạnh tranh, bảo đảm đủ tiêu chuẩn chất lượng có thể thỏa mãn nhu cầu mua sắm tiêu dùng đa dạng và ngày càng cao ở trong và ngoài tỉnh để cung ứng cho các cơ sở bán lẻ nhằm giảm sự phụ thuộc vào hàng cùng loại nhập khẩu.

- Nghiên cứu chính sách tăng cường chuỗi giá trị, đổi mới và thuận lợi hóa lưu thông trong đó tập trung vào hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa, tập trung trước hết vào các chuỗi cung ứng hàng nông sản thực phẩm thiết yếu của thị trường nội địa.

- Xây dựng chính sách khuyến khích ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp phân phối, logistics; thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử trong việc truy xuất nguồn hàng vào hệ thống hạ tầng thương mại như siêu thị, chợ.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển dịch vụ phân phối. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với các nền tảng thương mại điện tử quốc tế như Amazon, Alibaba, Rakuten...

6. Dịch vụ y tế

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền và huy động toàn xã hội tham gia vào công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Quán triệt, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng và Nhà nước; trước mắt và trọng tâm là triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về công tác dân số trong tình hình mới, Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Các địa phương và các sở, ngành thường xuyên quán triệt, đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế - dân số và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe như môi trường, thể dục, thể thao, văn hóa... vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

- Không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, đẩy mạnh các phong trào thi đua, các cuộc vận động có nội dung liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Tạo các điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội, tôn giáo, đoàn thể và huy động toàn xã hội tích cực hưởng ứng, tham gia vào các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đúng theo quy định của pháp luật.

b) Nâng cao sức khỏe nhân dân

- Xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe, tầm vóc người dân. Quan tâm các điều kiện để mỗi người dân được bảo vệ, nâng cao sức khỏe; nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, ven biển, hải đảo.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế, giảm chênh lệch giới tính khi sinh. Chú trọng công tác sàng lọc trước sinh, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng cường giáo dục thể chất, tâm lý trong các trường học, kết hợp với tập luyện ngoài nhà trường. Tăng cường công tác y tế học đường gắn với công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, sinh viên; đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý gắn với rèn luyện sức khỏe bản thân.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu tới sức khỏe. Bảo đảm người dân được tiếp cận, sử dụng nguồn nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

c) Nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh, kiểm soát bệnh tật; gắn với tiếp tục đổi mới và phát triển y tế cơ sở

- Bảo đảm an ninh y tế; chuẩn bị sẵn sàng và kịp thời ứng phó với các tình huống khẩn cấp để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng mở rộng.

- Chú trọng nhiệm vụ y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật; nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật. Chủ động và tích cực triển khai các giải pháp để phòng, chống và kiểm soát các loại dịch bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (như Covid-19); không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng, hạn chế tối đa số người tử vong do dịch bệnh.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện đồng bộ các hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế,...

- Phát triển mô hình chăm sóc sức khỏe tại nhà, bác sĩ gia đình; mở rộng việc quản lý các bệnh mạn tính và chú trọng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng ưu tiên tại cộng đồng, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, ven biển, hải đảo.

d) Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng

- Tiếp tục kiện toàn và phát triển hệ thống các cơ sở khám chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh từ tỉnh đến cơ sở, bên cạnh hệ thống các bệnh viện trực thuộc trung ương và các bộ, ngành đứng chân trên địa bàn.

- Phát huy vai trò chủ đạo của các bệnh viện công lập trong việc cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng, đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

- Triển khai thực hiện các giải pháp phát triển y học cổ truyền, tăng cường kết hợp với y học hiện đại. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe; kết hợp quân - dân y trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh cho nhân dân.

- Thực hiện lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh; lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám, chữa bệnh trong và ngoài tỉnh theo kế hoạch của Bộ Y tế, gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ và có chính sách khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ ngay tại tuyến dưới.

- Phát triển các bệnh viện vệ tinh tại tỉnh; tăng cường hoạt động hợp tác và tiếp nhận kỹ thuật y tế chuyên sâu từ các bệnh viện tuyến trên về tỉnh. Đẩy mạnh công tác đào tạo, luân phiên cán bộ y tế và chuyển giao kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến tỉnh về cho các đơn vị y tế tuyến cơ sở.

- Phát triển đồng bộ, tạo môi trường bình đẳng cả về hỗ trợ, chuyển giao chuyên môn kỹ thuật giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và ngoài công lập.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong cung ứng dịch vụ y tế; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh mạng, an toàn dữ liệu trong quản lý bệnh viện, xây dựng bệnh án điện tử, giám định và thanh toán dịch vụ y tế,...; tiến tới kết nối đồng bộ các dữ liệu lâm sàng, cận lâm sàng trong hồ sơ bệnh án, triển khai khám bệnh, chữa bệnh từ xa giữa các cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh.

e) Tăng cường quản lý dược và thiết bị y tế

- Thực hiện tốt công tác đấu thầu thuốc tập trung và không tập trung cấp tỉnh bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch, nhằm mua sắm thuốc, thiết bị, hóa chất, vật tư y tế có chất lượng với chi phí hợp lý; kiểm soát chặt chẽ quy trình mua sắm, chống thất thoát, lãng phí. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để truy xuất nguồn gốc thuốc, chấn chỉnh tình trạng bán thuốc không theo đơn.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra công tác mua sắm, quản lý và sử dụng trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế. Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 về quản lý trang thiết bị y tế theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các phương thức chẩn trị, điều trị không dùng thuốc, các bài thuốc, vị thuốc y học cổ truyền. Hỗ trợ phát hiện, đăng ký, công nhận sở hữu trí tuệ và thương mại hóa các bài thuốc y học cổ truyền.

f) Phát triển nhân lực và ứng dụng khoa học - công nghệ về y tế

- Đa dạng hóa các loại hình và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế, nâng cao năng lực đào tạo thực hành cho các cơ sở y tế trong tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện chính sách của tỉnh để khuyến khích, thu hút và ưu đãi đối với người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao,...

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến giữa các tuyến, các cơ sở y tế theo nhu cầu thực tế.

7. Dịch vụ khoa học và công nghệ

- Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ; đề xuất tăng quy mô tài chính cho các quỹ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp để đầu tư đổi mới công nghệ.

- Định hướng thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến trên thế giới cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có tiềm năng lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Khuyến khích khu vực tư nhân xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ, các trung tâm đổi mới sáng tạo và cung ứng dịch vụ khoa học - công nghệ; thành lập một số tổ chức khoa học và công nghệ theo mô hình tiên tiến có vốn nước ngoài.

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nông nghiệp nhằm tạo ra những sản phẩm có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, nâng tầm giá trị. Đồng thời khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình sản xuất, tiêu thụ nông lâm thủy sản kết hợp với dịch vụ

8. Dịch vụ giáo dục và đào tạo

- rà soát, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh: nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đảm bảo quy mô, cơ cấu, hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo, vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo và ứng dụng các mô hình giáo dục, đào tạo mới trên nền tảng công nghệ thông tin như trên internet, trên thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng); khuyến khích các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, đào tạo để đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, nhất là trong các ngành có nhu cầu cao.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí để thực hiện: vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Chiến lược và lập dự toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Chiến lược theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ những nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch và chức năng, nhiệm vụ được phân công, các Sở: Du lịch, Công Thương, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai Kế hoạch chi tiết, bảo đảm thực hiện có hiệu quả những nội dung của Kế hoạch, định kỳ hàng năm (*trước ngày 31/11 hàng năm*) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ theo nội dung Kế hoạch; định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả gửi UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch này; các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan chủ động đề xuất, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh, CV;
- Lưu: VT, K1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh